

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30.11.2022.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Hồng Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Tâm**.
2. Ông **Nguyễn Thanh Phương**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Ngọc Hiếu** – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Ri** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm: 1961. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1963. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 148, đường Nguyễn Minh Châu, khu phố Y, thị trấn X, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn O trình bày:

Ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị L sống chung với nhau năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q, tỉnh Nghệ An nhưng hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được.

Quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị L hạnh phúc và có với nhau 09 người con nhưng đến thời gian gần đây ông bà thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung vợ chồng. Bà L bỏ ra rẫy ở với người con trai không chịu quay về mặc

dù ông O đã nhiều lần khuyên nhủ nên từ đó tình cảm giữa ông bà ngày càng lạnh nhạt, hiện hai người đã không còn sống chung từ tháng 6/2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nữa nên ông Nguyễn Văn O yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông bà Nguyễn Thị L có với nhau 09 người con chung: Nguyễn Văn P, sinh năm 1984, Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, Nguyễn Văn M, sinh năm 1987, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1989, Nguyễn Văn A, sinh năm 1992, Nguyễn Đức V, sinh năm 1996, Nguyễn Minh N1, sinh năm 1998, Nguyễn Vinh T5, sinh năm 2001 và Nguyễn Văn L1, sinh năm 2004. Hiện các con đã trưởng thành, ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 4 năm 2022, bị đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn O sống chung với nhau năm 1982, có đăng ký kết hôn hay không bà không nhớ vì thời gian quá lâu và bà cũng không giữ Giấy chứng nhận kết hôn.

Đối với yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn O, bà Nguyễn Thị L không đồng ý ly hôn vì ông bà là người có đạo và cũng đã lớn tuổi rồi nên bà khuyên ông O suy nghĩ lại để sống tốt làm gương cho con cháu.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn O có với nhau 09 con chung như ông O trình bày và hiện các con đã trưởng thành và L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Qua lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Ông Nguyễn Văn Ơ yêu cầu ly hôn, bà Nguyễn Thị L không đồng ý ly hôn. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L sống chung với nhau từ năm 1982, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Nghị quyết số 35/2000.NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì trường hợp của ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét tình trạng hôn nhân của ông bà thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Ơ. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L có với nhau 09 người con chung hiện các con đã trưởng thành và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cũng không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật; Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ơ được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Ông Nguyễn Văn Ơ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị L. Người bị kiện là bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L trình bày ông bà chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào năm 1982 nhưng không cung cấp được Giấy đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ơ trình bày ông và bà L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, bà L vắng mặt không lý do. Tuy nhiên căn cứ vào Giấy khai sinh của con trai lớn của ông bà (Nguyễn Văn P, sinh năm 1984) nên xác định ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau trước năm 1987.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000) quy định về việc đăng ký kết hôn: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*; tuy nhiên tại điểm a, mục

3 nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định như sau: "a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000." Tại mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 quy định: " ... trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà chưa đăng ký kết hôn, nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung".

Đền trước thời điểm ngày 03/01/1987 thì ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L có đủ điều kiện để kết hôn, đã tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; sau khi cưới đã chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian dài, có với nhau 09 người con chung, đã thực sự xây dựng gia đình - là đáp ứng đầy đủ các điều kiện về hôn nhân thực tế được quy định tại điểm d mục 2 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội "về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000". Do đó, việc ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay không có đăng ký kết hôn nhưng vẫn được công nhận là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xem xét tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa ông Ơ và bà L đã xảy ra mặc dù ông bà đã tìm nhiều cách hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và thực tế hiện nay, ông bà đã không còn tin tưởng, tôn trọng nhau. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L vẫn vắng mặt, ông Nguyễn Văn Ơ vẫn kiên quyết ly hôn, chứng tỏ ông bà không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Ơ là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L có với nhau 09 người con chung: Nguyễn Văn P, sinh năm 1984, Nguyễn Văn H1, sinh năm 1986, Nguyễn Văn M, sinh năm 1987, Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1989, Nguyễn Văn A, sinh năm 1992, Nguyễn Đức V, sinh năm 1996, Nguyễn Minh N1, sinh năm 1998, Nguyễn Vinh T5, sinh năm 2001 và Nguyễn Văn L1, sinh năm 2004. Hiện các con đã trưởng thành và ông Ơ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Ơ và bà Nguyễn Thị L tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Nguyễn Văn O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000;

- Mục 1 Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

- Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn O.

Ông Nguyễn Văn O được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn O được miễn nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/11/2022). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND H;
- THADS H;
- UBND thị trấn X, HTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Hồng Thanh

,

